

PHỤ LỤC 05: BIỂU PHÍ GIAO DỊCH TÍN DỤNG

STT	DANH MỤC CÁC LOẠI PHÍ	MỨC ÁP DỤNG			CĂN CỨ TÍNH	NHÓM GIẢM PHÍ
		Mức phí	Tối thiểu	Tối đa		
PHÍ GIAO DỊCH TÍN DỤNG						
I	PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN (Không chịu thuế VAT)					
1	Vay ngắn hạn				Miễn phí	
2	Vay trung, dài hạn - có tài sản đảm bảo					
	Thời gian vay thực tế đã được trên 70% thời hạn hợp đồng				Miễn phí	
	Thời gian vay thực tế đã đạt từ 30 - 70% thời hạn hợp đồng	1,0%	200.000 VND		Số tiền trả trước hạn	
	Thời gian vay thực tế đã đạt dưới 30% thời hạn hợp đồng	1,5%	500.000 VND		Số tiền trả trước hạn	
	Trường hợp trả nợ trước hạn với số tiền dưới 20.000.000 VND, Tối đa 01 tháng/ lần				Miễn phí	
3	Vay trung, dài hạn - Không tài sản bảo đảm					
	Trả nợ trước 1/2 thời gian vay	2,0%	200.000 VND		Số tiền trả trước hạn	
	Trả nợ từ 1/2 thời gian vay trở đi	1,0%	200.000 VND			
4	Vay cầm cố Sổ tiết kiệm					
	Vay và tắt toán khoản vay trong ngày	Tiền lãi 1 ngày theo lãi suất cho vay trên HĐTĐ	50.000 VND		Số tiền trả trước hạn	
	<i>Lưu ý: Trường hợp sản phẩm có quy định về phí khác so với biểu phí này, ĐVKD áp dụng phí theo quy định của sản phẩm</i>					
II	PHÍ TÀI KHOẢN THẤU CHI (Không chịu thuế VAT)					
1	Phí cấp hạn mức/gia hạn mức thấu chi					B
1.1	Thấu chi có tài sản bảo đảm (không bao gồm sổ tiết kiệm) - Lưu ý: Thu 1 lần tại thời điểm điều chỉnh hạn mức thấu chi.	0,1%	100.000 VND		hạn mức được cấp	
1.2	Thấu chi sổ tiết kiệm				Miễn phí	
1.3	Thấu chi không tài sản bảo đảm				Miễn phí	
2	Phí nâng hạn mức thấu chi				Miễn phí	B
2.1	Thấu chi có tài sản bảo đảm (không bao gồm sổ tiết kiệm, trường hợp này hạn mức thấu chi thì chính là phần chênh lệch hạn mức mới so với hạn mức cũ) - Lưu ý: Thu 1 lần tại thời điểm điều chỉnh hạn mức thấu chi.	0,1%	100.000 VND		hạn mức được cấp	
	Thấu chi sổ tiết kiệm				Miễn phí	
	Thấu chi không tài sản bảo đảm	0,1%	100.000 VND		hạn mức được cấp	
	<i>Lưu ý: Trường hợp sản phẩm có quy định về phí khác so với biểu phí này, ĐVKD áp dụng phí theo quy định của sản phẩm.</i>					
III	PHÍ DỊCH VỤ BẢO LÃNH (Không chịu thuế VAT)					
1	Phát hành thư bảo lãnh (tính theo số ngày bảo lãnh thực tế)					B
	- Ký quỹ 100%	0,05%	200.000 VND		01 tháng	
	- Ký quỹ < 100% và phần không ký quỹ được đảm bảo bằng GTCG do PVcomBank phát hành	0,05%	300.000 VND		01 tháng	
	- Ký quỹ < 100% và phần không ký quỹ được đảm bảo bằng GTCG do TCTD khác phát hành	0,10%	300.000 VND		01 tháng	
	- Ký quỹ < 100% và phần không ký quỹ được đảm bảo bằng bất động sản	0,15%	300.000 VND		01 tháng	
	- Ký quỹ < 100% và phần không ký quỹ được đảm bảo bằng tài sản khác	0,20%	400.000 VND		01 tháng	
2	Tu chỉnh bảo lãnh					B
	- Tu chỉnh tăng giá trị bảo lãnh				Như phát hành thư bảo lãnh	Số tiền gia tăng
	- Tu chỉnh tăng thời hạn bảo lãnh				Như phát hành thư bảo lãnh	thời hạn bảo lãnh tăng
	- Tu chỉnh khác	Thỏa thuận	150.000 VND			
3	Hủy bảo lãnh					B
	- Hủy thư bảo lãnh ký quỹ 100%				Miễn phí	
	- Hủy bảo lãnh ký quỹ dưới 100%				200.000 VND	
4	Phát hành thư bảo lãnh bằng 2 ngôn ngữ Anh – Việt				Như phát hành thư bảo lãnh + 200.000 VND	C

5	Phát hành thư bảo lãnh theo mẫu của KH được PVcomBank chấp thuận	Như phát hành thư bảo lãnh + 200.000 VND			C
6	Phát hành bảo lãnh đối ứng				C
	- Phát hành thư bảo lãnh dựa vào TCTD trong nước	0,15%	400.000 VND	thỏa thuận	01 tháng
	- Phát hành thư bảo lãnh dựa vào TCTD nước ngoài	0,13%	30 USD	thỏa thuận	01 tháng
7	Phát hành thêm bảo lãnh bản chính/bản phụ		100.000 VND	thỏa thuận	01 bản
8	Xác nhận thư bảo lãnh	0,15%	300.000VND / 20 USD	thỏa thuận	01 tháng
9	Phí chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	Như phí chuyển tiền (có áp dụng VAT)			
III PHÍ DỊCH VỤ TÍN DỤNG KHÁC (có chịu thuế VAT)					
1	Cho mượn hồ sơ tài sản bảo đảm				B
	- Giấy tờ có giá do PVcomBank phát hành	Thoả thuận	100.000 VND		01 GTCG
	- Tài sản khác	Thoả thuận	200.000 VND		01 tài sản
	- Cho mượn hồ sơ TSBĐ là Giấy tờ xe để đi công chứng phục vụ cho việc cấp lưu hành xe (*)	Thoả thuận	0 VND	200.000 VNĐ	01 tài sản
	- Cho mượn hồ sơ tài sản bảo đảm phục vụ cho việc thế chấp TSBĐ của KH tại PVcomBank	Miễn phí			B
2	Xác nhận bản chính hồ sơ tài sản bảo đảm, chứng từ có giá đang thế chấp (ngoại trừ ô tô) cầm cố theo yêu cầu của khách hàng	Thoả thuận	500.000 VND		01 hồ sơ
3	Xác nhận bản chính hồ sơ tài sản bảo đảm là ô tô đang thế chấp tại ngân hàng (*)	Thoả thuận	0 VND	200.000 VNĐ	01 tài sản
4	Xác nhận số dư tín dụng bằng văn bản	Thoả thuận	100.000 VND		01 hồ sơ

Ghi chú:

1. Biểu phí quy định tại mục III chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, PVcomBank sẽ thu thêm 10% VAT theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
2. Các mức phí khác với quy định trong biểu phí này hoặc chưa quy định trong biểu phí này sẽ do Tổng Giám Đốc ban hành
3. Phí dịch vụ và các phí khác đã thu theo biểu phí không hoàn lại trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra.
4. Đối với các khoản phí tính bằng ngoại tệ, Khách hàng có thể thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ do PVcomBank công bố tại thời điểm thu phí
5. Không áp dụng thu phí nộp tiền mặt khi Khách hàng nộp tiền để trả nợ gốc và lãi đối với các khoản nợ tại PVcomBank
6. Miễn phí rút tiền mặt đối với số tiền giải ngân của khách hàng khi vay vốn tại PVcomBank
7. Khi thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của Khách hàng, trường hợp phí của PVcomBank và/hoặc phí của Ngân hàng đại lý thực hiện dịch vụ do khách hàng nước ngoài hoặc đối tượng khác chịu nhưng PVcomBank và/hoặc các Ngân hàng đại lý không thu hồi được, PVcomBank sẽ thu từ người yêu cầu thực hiện giao dịch.
8. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay sau khi phát sinh hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc toàn bộ dịch vụ tùy theo tính chất của từng loại dịch vụ đó.
9. Những loại phí dịch vụ khác không được liệt kê trong biểu phí này sẽ được PVcomBank thông báo cho Khách hàng khi có nghiệp vụ phát sinh.
10. Các trường hợp thu phí thấp hơn mức phí quy định phải được Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền phê duyệt bằng văn bản
11. Trường hợp KH đã được miễn giảm phí: Nếu mức phí sau khi được miễn giảm nhỏ hơn phí tối thiểu, PVcomBank sẽ thu theo phí tối thiểu
12. (*) Đối với phí Cho mượn hồ sơ TSBĐ là Giấy tờ xe để đi công chứng phục vụ cho việc cấp lưu hành xe và Phí Xác nhận bản chính hồ sơ tài sản bảo đảm là ô tô đang thế chấp tại ngân hàng, Giám Đốc Vùng KHCN sẽ quyết định mức thu phí đối với từng Vùng đảm bảo thống nhất mức phí này đối với các Đơn vị kinh doanh thuộc Vùng đó và không vượt quá mức phí tối đa theo quy định